

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Biểu mẫu số 41
(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP
ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ)

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 415/BC-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Tổng chi ngân sách địa phương	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương								Chi chuyển nguồn sang năm sau
			Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên		Chi thực hiện cải cách tiền lương	Dự phòng ngân sách	
				Tổng số	Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
A	B	1=2+11	2=3+6+8+9+10	3=4+5	4	5	6	7	8	9	10
TỔNG SỐ		7.187.826	7.187.826	981.760	303.600	678.160	5.999.087	2.577.022	65.929	141.050	-
1	Thành phố Đồng Xoài	606.432	606.432	126.600	28.600	98.000	467.932	233.143	-	11.900	
2	Thị xã Bình Long	515.764	515.764	86.060	25.300	60.760	397.164	139.337	22.440	10.100	
3	Thị xã Phước Long	402.918	402.918	35.960	24.200	11.760	359.058	128.251	-	7.900	
4	Huyện Đồng Phú	680.848	680.848	126.600	28.600	98.000	540.848	237.676	-	13.400	
5	Huyện Lộc Ninh	896.869	896.869	81.760	30.800	50.960	797.509	358.230	-	17.600	
6	Huyện Bù Đốp	587.937	587.937	53.720	25.300	28.420	512.235	206.940	10.482	11.500	

12/12/23

STT	Tên đơn vị	Tổng chi ngân sách địa phương	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương								Chi chuyển nguồn sang năm sau
			Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên		Chi thực hiện cải cách tiền lương	Dự phòng ngân sách		
				Tổng số	Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số			Trong đó: Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
7	Huyện Bù Đăng	887.119	887.119	76.980	31.900	45.080	792.739	376.383	-	17.400	
8	Thị xã Chơn Thành	608.379	608.379	166.660	27.500	139.160	429.819	156.773	-	11.900	
9	Huyện Hớn Quản	633.783	633.783	88.260	27.500	60.760	533.023	207.040	-	12.500	
10	Huyện Bù Gia Mập	753.184	753.184	67.680	27.500	40.180	650.290	298.526	20.464	14.750	
11	Huyện Phú Riềng	614.594	614.594	71.480	26.400	45.080	518.471	234.723	12.543	12.100	

